TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày : 23-9-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Trọng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Tú;

2. Bà Vũ Thị Nữ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vĩnh Nguyên-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Kim Trâm-Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm: 1987 (vắng mặt);
Địa chỉ: Số x Đường ĐT 720, Thôn 5, xã TP, huyện HT, tỉnh BT.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1978 (vắng mặt);
Địa chỉ: Số x Đường ĐT 720, Thôn 5, xã TP, huyện HT, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2022, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Duy T tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 11/12/2006 tại Uỷ ban nhân dân xã TP, huyện HT. Từ khi bắt đầu thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng bà đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, nhưng vì các con nhỏ nên bà cố gắng sống cùng với ông T để nuôi dạy các con.

Nhưng những năm gần đây thì mâu thuẫn giữa vợ chồng bà ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do ông T thường xuyên nhậu say xỉn về khuya lấy cớ đánh đập, hành hạ bà. Ngoài ra, ông T còn bạo lực gia đình, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà và có quan hệ bất chính với người khác, không chăm sóc gia đình, con cái. Bà và ông T có thời gian sống ly thân. Từ tháng 3/2022 đến nay, ông T đã ra sống riêng, vợ chồng không còn quan tâm với nhau. Bà T cho rằng hiện nay bà không còn tình cảm với ông T nữa nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Duy T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Duy T có với nhau 02 con chung là Nguyễn Mỹ Duy A, sinh ngày 23/8/2007 và Nguyễn Mỹ Hồng A, sinh ngày 03/10/2009. Hiện các con chung đều sống với bà, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và lo học hành. Khi ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao các con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng thì mới bảo đảm quyền lợi của con.

Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Duy T cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 10 triệu đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Duy T, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T theo địa chỉ mà ông T cư trú nhưng ông không có mặt tại nơi sinh sống. Tiến hành xác minh tại Công an xã TP, huyện HT, xác định: Ông T và bà T hiện đang sinh sống tại Thôn 5, xã TP, huyện HT nhưng không đăng ký cư trú. Tuy nhiên, do ông T làm nghề lái xe nên thường xuyên vắng nhà. Do vậy, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T bằng phương thức niêm yết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nhưng bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án lập biên bản xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: trình tự, thủ tục giải quyết vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ T. Cho bà Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Duy T; giao các con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông T cấp

dưỡng nuôi con chung căn cứ vào mức bình quân thu nhập và chi phí thực tế nuôi con tại địa phương; đồng thời tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nguyễn Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Duy T; yêu cầu Tòa án giao các con chung là Nguyễn Mỹ Duy A, sinh ngày 23/8/2007 và Nguyễn Mỹ Hồng A, sinh ngày 03/10/2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời buộc ông T cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 10 triệu đồng. Tòa án xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng, do bị đơn có nơi cư trú tại Thôn 5, xã TP, huyện HT nên Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Khoản 1, Khoản 5 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T, bị đơn ông Nguyễn Duy T đều vắng mặt. Xét thấy, bà T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Duy T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Duy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện HT theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 11/12/2006. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, bà T và ông T đủ điều kiện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ T về việc ly hôn với ông Nguyễn Duy T, Hội đồng xét xử thấy: Bà T yêu cầu ly hôn với ông T vì cho rằng vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do ông T thường xuyên nhậu say xỉn về khuya lấy cớ đánh đập, hành hạ bà. Ngoài ra, ông T còn bạo lực gia đình, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà và có quan hệ bất chính với người khác, không chăm sóc gia đình, con cái. Bà và ông T có thời gian sống ly thân. Từ tháng 3/2022 đến nay, ông T đã ra sống riêng, vợ chồng không còn quan tâm với nhau. Bà T cho rằng hiện nay bà không còn tình cảm với ông T nữa. Quá trình giải quyết vụ án, ông T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai của ông T để làm rõ về mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng bà T, ông T được. Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh tại Ban điều hành Thôn 5 (Ông Nguyễn Anh Tuấn là trưởng Thôn 5, xã Tân Phúc nơi ông T sinh sống) ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, đủ cơ sở để khẳng định nguyên nhân bà T yêu cầu ly hôn vì quan hệ vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, ông T thường xuyên ăn nhậu, không

quan tâm, chăm sóc gia đình, chia sẻ công việc với bà T và có quan hệ phức tạp ngoài xã hội. Như vậy, ông T đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông T vẫn biết bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông nhưng ông vẫn không tham gia tố tụng chứng tỏ ông không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Duy T có với nhau 02 con chung là Nguyễn Mỹ Duy A, sinh ngày 23/8/2007 và Nguyễn Mỹ Hồng A, sinh ngày 03/10/2009. Hiện các con chung đều ở với bà T, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Căn cứ vào độ tuổi, giới tính của cháu Duy Anh, cháu Hồng Anh, trên cơ sở xem xét nguyện vọng của con chung, cần giao con chung Nguyễn Mỹ Duy A và Nguyễn Mỹ Hồng A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng: Do ông T không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên bà T yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà T yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 10 triệu đồng là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Do các đương sự không thống nhất được mức cấp dưỡng, Hội đồng xét xử căn cứ vào nghề nghiệp, thu nhập, khả năng thực tế của ông T và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng trên cơ sở xem xét, đối chiếu với mức bình quân thu nhập, chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em tại địa phương, cần buộc ông T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Mỹ Duy A mỗi tháng 1.200.000 đồng, cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Mỹ Hồng A mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

[7] Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ chung khác về tài sản: Bà Nguyễn Thị Mỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, Khoản 5 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Duy T;

2. Về con chung: Giao các con chung là Nguyễn Mỹ Duy A, sinh ngày 23/8/2007 và Nguyễn Mỹ Hồng A, sinh ngày 03/10/2009 cho bà Nguyễn Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Duy T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của các con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về cấp dưỡng: Buộc ông Nguyễn Duy T cấp dưỡng nuôi Nguyễn Mỹ Duy A mỗi tháng 1.200.000 đồng, cấp dưỡng nuôi Nguyễn Mỹ Hồng A mỗi tháng 1.000.000 đồng, cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/9/2022).

Đối với phần quyết định về cấp dưỡng được thi hành ngay, mặc dù có thể bị cáo kháng, kháng nghị.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ chung khác về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010258 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Tân. Bà Nguyễn Thị Mỹ T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Duy T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Án xử công khai sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Duy T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- UBND xã TP, huyện HT, tỉnh Bình Thuận;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Trọng